

Un problème d'éducation des races

Một cái vấn-đề dân-tộc-giáo-dục

COMMENT DOIT-ÊTRE FAITE L'ÉDUCATION DES ANNAMITES PAR LA FRANCE ?
NƯỚC PHÁP PHẢI DẠY NGƯỜI VIỆT-NAM THẾ NÀO ?

(Communication faite à l'Académie des Sciences morales et politiques dans sa séance du 22 Juillet 1922).

Messieurs,

Nos vieilles annales annamites parlent souvent de ces hommes supérieurs qui, par l'étude, par la réflexion, par leur expérience consommée de la vie et des hommes, et aussi par leur vie calme et retirée qui les faisait en quelque sorte planer au-dessus de la mêlée sociale et des luttes politiques, ont pénétré tous les problèmes intéressants la prospérité de l'Etat et le bonheur du peuple. Dans les circonstances graves, ou chaque fois que se posait une question d'importance nationale, l'Empereur lui-même, ou ses ministres, ou les dignitaires de l'Etat, ou en général tout citoyen soucieux des intérêts supérieurs de la Patrie, avaient coutume de venir les consulter. Et toujours ils donnaient des avis inspirés par la plus saine raison et la plus haute sagesse. Et leurs avis étaient presque toujours suivis.

L'Institut de France, sanctuaire de la culture et de la sagesse françaises, est toujours apparu aux yeux de mes compatriotes comme un aréopage de ces sages antiques, hauts conseillers des Etats et des peuples. Et le rêve le plus cher aux lettrés et aux intellectuels de mon pays est, en venant en France, de pouvoir approcher quelques-uns de ces esprits éminents et les consulter sur les multiples problèmes que soulève

(Diễn-thuyết ở Hội Hàn-lâm nước Pháp, ban Luân-lý-chính-trị-học, kỳ hội-đồng ngày 22 tháng 7 năm 1922).

Thưa các Ngài,

Trong sử cũ nước Việt-Nam chúng tôi, thường nói đến những bậc người đại-trí, bởi công học-vấn suy-nghi, bởi sự từng-trải về thế-sự, về nhân-tâm, lại bởi cách sinh-hoạt ăn-dật, tựa-hồ như siêu-việt ra ngoài cái vòng nao-nhiệt của xã-hội, ra ngoài những sự cạnh-tranh về chính-trị, mà đã thấu hiểu hết cả các vấn-đề quan-hệ đến việc kinh-baug tế-thế vậy. Gặp những cơ-hội gì quan-trọng, hay là khi nào phải xét đến một cái vấn-đề lợi-hại cho cả nước, thời chính Hoàng-đế, hay là các quan quốc-vụ-đại-thần, hay là bất-cứ người dân nào hữu-tâm về vận-mệnh nước nhà, thường hay tìm đến đề hỏi-han. Mà các bậc ấy bao giờ cũng lấy những điều chính-lý, những sự khôn-ngoaan mà khuyên-bảo. Mà những lời khuyên-bảo ấy, hầu-hết là nghe theo cả.

Tòa Hàn-lâm của Đại-Pháp, là nơi tần-trạch những ngài học-vấn uyên-thâm, khôn-ngoaan tài-tri của qui-quốc, kể đồng-bang chúng tôi đứng xa vẫn coi như một nơi hội-đồng các bậc quân-tử như đời xưa, làm những tay thượng-đẳng-cổ-văn cho các quốc-gia, các dân-tộc. Người học-giả, kể trí-thức ở nước chúng tôi, ai cũng khấn-khoan ước-ao một điều, là khi tới Đại-

l'évolution intellectuelle, morale et politique de notre peuple. Le hasard a voulu que ce grand honneur fût réservé à un modeste publiciste qui, à défaut d'autres qualités qui l'en rendraient plus digne, est animé d'un amour passionné de son pays et d'une profonde admiration pour la France. Cet honneur insigne, je le dois à la bienveillante attention de M. le Secrétaire perpétuel de l'Académie, qui, malgré l'ordre du jour déjà chargé de cette séance, a bien voulu permettre à une faible voix annamite de se faire entendre dans cette noble enceinte comme un écho lointain des espoirs, des doléances et des aspirations de l'élite intellectuelle de tout un peuple. Qu'il veuille bien agréer ici l'expression de ma plus vive gratitude.

*
*
*

Messieurs, depuis quarante ans, le peuple annamite vit sous le protectorat de la France. Les hasards de l'histoire l'ont voulu ainsi. Nous avons d'abord accepté cette situation comme un fait qui s'imposait de par notre faiblesse politique qui nous interdisait toute résistance envers un conquérant beaucoup plus fort et plus entreprenant. Mais avec le temps, avec la vie en commun, nous avons appris à vous mieux connaître, à vous mieux comprendre. Nous avons mieux connu la France et ce qu'elle représente dans le monde. Et, le charme de votre génie opérant, nous avons été peu à peu séduits, conquis par votre culture et votre civilisation. En même temps, nous nous rendions mieux compte de ce qui manquait à un vieux peuple comme le nôtre pour vivre de la vie moderne. Issu d'une des plus vieilles civilisations de l'Asie, notre peuple avait vécu pendant des siècles pour ainsi dire à l'écart du reste du monde, dans

Pháp, được đến gần mấy bác đại-trí đó, để tư-vấn các ngài về các vấn-đề phiến-phức thuộc về sự tiến-hóa của dân-tộc chúng tôi về đường trí-thức, đường tinh-thần và đường chính-trị vậy. Sự tình-cờ đã khiến cho cái danh-dự lớn-lao ấy dành đến một kẻ trước-thuật nhỏ-mọn như tôi, dẫu không có tư-cách khác xứng-đáng hơn, song thật là một lòng nhiệt-thành thương-yêu tổ-quốc và cảm-phục qui-quốc vậy. Cái danh-dự vô-song ấy, thật là tôi được nhờ ở lòng ân-cần quyến-cố của Ngài Vĩnh-viễn-Thư-ký Hội Hàn-lâm, tuy chương-trình kỳ hội-đồng này đã nhiều việc quá, mà ngài cũng rộng cho phép một người Việt-Nam nhỏ mọn được cất tiếng lên ở giữa chốn trang-nghiêm này, để bộc-bạch cái lòng yêu - cầu hi - vọng của kẻ thượng-lưu trí-thức cả một nước. Tôi xin thâm-tạ của tôi nhận lấy chút lòng ngài hạ-cố đây.

Thưa các Ngài, dân chúng tôi ở dưới quyền bảo-hộ của Đại-Pháp đã bốn-mươi năm nay. Sự tình-cờ của lịch-sử đã khiến nên như thế. Cái tình-trạng ấy, lúc mới chúng tôi cũng phải chịu như một sự dĩ-nhiên, bởi nước chúng tôi hèn-yếu nên phải thế, không đủ sức chống lại với một kẻ xâm-lược vừa mạnh hơn vừa giỏi hơn nhiều. Nhưng mà dần-dà, người hai nước cùng ở với nhau, chúng tôi càng ngày càng thêm biết qui-quốc hơn. Chúng tôi càng hiểu rõ nước Pháp và cái địa-vị của nước Pháp trong thế-giới thế nào. Lại bị cảm-hóa cái tinh-thần của qui-quốc, dần-dần như ham như mê cái văn-minh học-thuật của qui-quốc. Bấy giờ mới hiểu rõ rằng một dân-tộc cổ như nước chúng tôi, còn chưa đủ tư-cách để sinh-hoạt ở thời-dại này. Nước chúng tôi là gốc ở một cái văn-minh rất cổ ở Á-châu, trong

le calme d'une société patriarcale régie par la grave et austère morale de Confucius. Absorbé par le culte des humanités et des lettres chinoises, il était toujours resté indifférent à tous les grands courants de pensée qui agiterent le monde occidental depuis les temps historiques. Ces courants ayant donné naissance à une nouvelle forme de civilisation, et celle-ci étant devenue la formule de vie des peuples modernes, il se trouva que nous manquions de tout ce qui était nécessaire pour nous adapter à cette vie. Nous nous tournâmes alors vers la France, dont les traditions idéalistes nous apparaissaient comme étant une sûre garantie de ses bonnes intentions politiques, pour lui demander de nous aider dans cette adaptation, en nous donnant une éducation qui nous mit à même de pouvoir un jour faire figure de nation moderne. C'est ainsi qu'après l'hostilité du début, hostilité fort explicable, étant donné le fait brutal de la conquête et de l'occupation, l'élite annamite toute entière fait confiance au gouvernement français, bien plus, se repose entièrement sur la France du soin de son instruction et de son éducation. Et c'est vraiment quelque chose de touchant, peut-être même d'unique dans l'histoire de l'humanité, que ce geste de tout un peuple confiant à un autre le soin de ses destinées. Certes, le génie idéaliste de la France, sa culture toute humaine et sa civilisation exquise ont de tout temps fait l'admiration des peuples. Et il n'est pas rare, il est même courant de voir des peuples opprimés, vivant sous le joug d'autres nations, se tourner vers la France comme vers la patrie des grandes idées libérales, de la liberté et de l'indépendance. Mais un peuple de vingt millions d'hommes ayant un long passé, une belle histoire et des traditions respectables, qui, vivant sous la dépendance politique de la France elle-même, loin de lui en vouloir de cette situation, affirme loyalement sa volonté de faire sous son égide son apprentissage de la vie moderne, voilà, je crois, un exemple

bao nhiêu thế-kỷ tựa-hồ như vẫn cách-biệt với thế-giới ngoài, sinh-trưởng trong cái cảnh bình-tĩnh một xã-hội theo quyền tộc-trưởng, lấy cái luân-lý nghiêm-trang của Khổng-phu-tử làm mô-phạm. Chỉ chăm-chỉ học cổ-văn-tự nước Tàu, mơ-màng không biết gì đến những cái tư-trào lớn nó phiến-động các nước Tây-phương từ đời có lịch-sử đến giờ. Cái tư-trào ấy gây ra một lối văn - minh mới, lối văn-minh ấy thành cái qui-tắc cho sự sinh-tồn của các dân-tộc đời nay, thành ra nước chúng tôi thiếu hẳn những tư-cách sinh-hoạt đời bây giờ. Bây giờ chúng tôi mới quay về nước Pháp, lấy rằng qui-quốc vốn đã có cái lịch-sử quảng-dại, tất là có tinh-y tốt về đường chính-trị, xin qui-quốc giúp cho chúng tôi được đủ những tư-cách ấy, dạy cho chúng tôi có ngày trở nên một quốc-dân xứng-dáng ở đời này. Bởi thế nên sau cái buổi bất-bình hồi đầu, — bất-bình cũng là phải, vì cái nông-nỗi mất nước đã hiên-nhiên ra đó, — kẻ thương-lưu trong nước chúng tôi đều nhất-ban đem lòng tin-cậy ở chính-phủ Pháp, không những thế, lại phó-thác cả cho qui-quốc cái công gây-dựng dạy-dỗ. Một nước mà đem cả sinh-mệnh ủy vào nước khác, thật cũng là một sự đáng cảm-động, và có lẽ cũng chưa từng thấy bao giờ trong lịch-sử nhân-loại. Vẫn biết rằng cái tinh-thần quảng-dại của Đại-Pháp, cái học-thuật thắm-nhuần nhân-đạo, cái văn-minh phong-thú vô-cùng của qui-quốc, các dân-tộc xưa nay vẫn lấy làm cảm-phục. Lại thường trông thấy những dân bị áp-chế, ở trong lao-lung các dân khác, quay đầu về nước Pháp là nơi gốc-phát-minh ra những tư-tưởng lớn về quyền tự-do, quyền độc-lập, sự đó cũng là thường, không phải lạ-lùng gì. Nhưng mà một dân-tộc hai-mươi triệu người, có lịch-sử vẻ-vang, có phong-tục tốt-

qui ne se voit pas tous les jours. Et c'est ainsi que la France, en prenant possession de ce qu'on appelle son vaste domaine d'Asie, a en même temps pris charge d'âmes; elle se doit à elle-même, elle doit à l'humanité et à l'histoire de guider loyalement le peuple dont ce domaine est la patrie vers l'accomplissement de ses destinées. C'est là un aspect de la « colonisation » que beaucoup de « colonisateurs » peut-être n'envisagent pas souvent, car il paraît qu'il est de mode aujourd'hui, chaque fois qu'il s'agit de colonies et de colonisation, de ne parler que d'exploitation et de mise en valeur et de n'envisager l'éducation des « indigènes » qu'en fonction de ce but un peu trop utilitaire.

Cette conception de la « colonisation », — puisque c'est ainsi qu'on est convenu d'appeler l'action de la France dans les pays soumis à son influence, — est loin d'être la bonne, s'appliquant à une vieille nation comme la nôtre. Nous nous plaisons à reconnaître qu'elle n'est pas celle du gouvernement français lui-même, trop conscient de son rôle et aussi de ses intérêts véritables pour ne pas tenir compte des intimes aspirations de tout un peuple.

Et dès lors, se pose une question, — la grande question sur laquelle, interprète bienveillant de mes compatriotes, je voudrais solliciter les avis éclairés des maîtres émi-

dep hân-hoi, ở ngay dưới quyền cai-trị của nước Pháp, không những không lấy cái tình-cảnh ấy oán nước Pháp, mà lại tỏ lòng thành-thực xin theo đòi nước Pháp để học lấy cái thuật sinh-tồn đời nay, thời tôi tưởng sự đó cũng không phải là thường trông thấy hằng ngày vậy. Ấy bởi đó nên nước Pháp khi chiếm-lĩnh đất nước chúng tôi, tự nhận làm cái thuộc-địa lớn ở Á-châu của mình, thật đã nhận lấy một các chức-trách giáo-hóa rất trọng; nhận lấy cái nghĩa-vụ đối với mình, đối với nhân-loại, với lịch-sử, phải đưa giắt cái dân-tộc mà nơi thuộc-địa ấy chính là chôn què cha đất tổ, tới một cõi thành-đạt về-vang. Đó là một cái phương-diện của sự « lấy thuộc-địa » mà nhiều người « đi lấy thuộc-địa » có lẽ chưa từng xét đến mấy khi, vì rằng ngày nay nghe như thành câu sáo đầu, hễ nói đến thuộc-địa và khai thuộc-địa, thời chỉ nói đến những cách lợi-dụng, cách khai-khân, còn sự giáo-dục người « thổ-dân » thời chẳng qua chỉ để giúp cho cái mục-dịch cận-lợi đó mà thôi.

Cái quan-niệm về sự « khai thuộc-địa » như thế, — vì ngày nay đã thành tiếng thông - dụng gọi nước Pháp khoáng - trương thế-lực ra ngoài là « khai-thuộc-địa », — đối với một dân-tộc cổ như dân-tộc chúng tôi, tưởng không phải là cái quan-niệm chánh-dáng. Chúng tôi cũng vui lòng công-nhận rằng đó không phải là chính ý - kiến của Chính - phủ Pháp, đã hiểu rõ cái nhiệm-vụ của mình, và cũng hiểu rõ cái lợi-quyền chân-chính của mình, không đến nỗi không biết lượng xét đến cái lòng hi-vọng thâm - thiết của cả một dân một nước vậy.

Nhân đó bèn khởi ra một cái vấn-đề, — cái vấn-đề lớn-lao, tôi muốn tạm thay mặt kẻ đồng-bang tôi kính hỏi ý-kiến sáng-suốt của các bậc danh-

nents qui me font l'honneur de m'entendre. Cette question est celle-ci : étant donné le désir ardent du peuple annamite de s'instruire pour s'adapter à la vie moderne, comment la France, qui l'a pris sous sa tutelle, entend-elle répondre à ce désir ? Comment entend-elle diriger cette éducation ? Question que le gouvernement du Protectorat, depuis la suppression de notre vieil enseignement traditionnel, a eu beaucoup de peine à résoudre et qu'il n'a pas encore résolue d'une façon bien satisfaisante. Il y a eu deux thèses en présence : la thèse du vieux « colonialisme » qui prétend que plus les Annamites sont instruits, plus ils seront armés pour s'insurger contre la domination française ; que pour maintenir celle-ci aussi longtemps que possible, il ne faudrait leur donner qu'un enseignement purement professionnel et technique, qui en ferait de bons artisans, d'excellents contre-maitres et de parfaits commis d'administration ; qu'il serait dangereux pour l'influence française de leur dispenser la haute culture occidentale qu'ils seraient d'ailleurs incapables d'assimiler. Thèse bornée, égoïste, indigne des traditions généreuses de la France ; thèse au surplus injurieuse pour les capacités intellectuelles de notre race, qui, de tout temps, a toujours eu l'amour passionné de l'étude et le goût et le culte des belles lettres et de la haute spéculation. Heureusement, cette thèse n'a pas prévalu, et c'est la seconde, un peu plus généreuse, qui a reçu la consécration officielle : elle consent à donner aux Annamites un enseignement moins primaire, de plus en plus élevé, dit-elle, au fur et à mesure de leur évolution. Et c'est en s'en inspirant que le Gouvernement du Protectorat a, ces dernières années, multiplié un certain nombre d'écoles primaires, créé un lycée et un em-

su đương hạ-cổ nghe tôi bây giờ. Vấn đề ấy là thế này : dân Việt-Nam đã có cái lòng nhiệt-thành ham học để cho có đủ tư-cách sinh-hoạt đời nay, thời Qui-Đại-Pháp đã nhận cái trách bảo-hộ cho chúng tôi, phải làm thế nào để đối-phó với cái lòng nhiệt-thành ấy ? Qui-quốc định giáo - dục cho chúng tôi thế nào ? Vấn đề ấy, Chính-phủ bảo-hộ từ khi bãi-bỏ lối học cũ của chúng tôi, đã khó-nhọc giải-quyết mà chưa giải-quyết được một cách ổn-thỏa hẳn. Có hai cái thuyết đối nhau : một cái thuyết của « phái thuộc-địa cổ », nói rằng để cho dân An-Nam học giỏi thì họ càng học càng có đủ sức một ngày sẽ chống lại với quyền Đại-Pháp ; muốn giữ quyền ấy cho được thật lâu, chỉ nên dạy họ học nghề-nghiệp, học chuyên-môn, để sau làm thợ cho khéo, làm đốc-công cho giỏi, làm người giúp việc các sở Nhà-nước cho thạo, chứ dạy họ học các khoa cao-đẳng của Thái-Tây thì nguy-hiêm cho mình, vả họ cũng không đủ tư-cách mà hiểu-thấu được. Thuyết ấy thật là một thuyết hẹp-hòi, ích-kỷ, không xứng-đáng với cái chủ-nghĩa quang-đại của nước Pháp ; lại là khinh-mạn chúng tôi quá, vì giống Việt-Nam chúng tôi cũng là một giống thông-minh, cổ - lai vẫn biết ham sự học, vẫn biết chuộng văn-chương nghĩa-lý, chứ không phải không. Cũng may mà cái thuyết ấy không được thịnh-hành, và Chính-phủ lại thừa-nhận một cái thuyết thứ nhì còn hơi rộng-rãi hơn một chút : thuyết này thì thuận dạy cho người An-nam cao hơn bậc tiểu-học một chút, nói rằng dân càng mở-mang được bao nhiêu thì sẽ cho học càng cao lên bấy nhiêu. Chính-phủ bảo-hộ cũng theo cái thuyết thứ hai đó mà gần đây đặt thêm được một ít trường tiểu-học, mở được một trường trung-học, và mới gọi là phối-thai ra một trường

bryon d'Université. Certes, ce n'est pas encore l'idéal, mais c'est déjà un bon commencement, et nous savons plein gré aux personnalités qui en ont pris l'initiative.

Mais là surgissent des difficultés qui font de la question un véritable problème d'éducation des races. S'il s'agissait d'un peuple inculte ou d'un peuple nouveau, se développant sur une terre neuve, sans passé et sans histoire, ces difficultés n'existeraient pas. Il n'y aurait qu'à le former, à le modeler, dans la mesure du possible, à l'image de la France, en un mot, à l'assimiler, à le « franciser » peu à peu en lui donnant une instruction française de plus en plus élevée au fur et à mesure de son évolution (l'expression est ici bien exacte). Mais le peuple annamite, comme nous disons, n'est pas une page blanche ; c'est un vieux parchemin rempli de caractères tracés d'une encre indélébile depuis de nombreux siècles ; aucun réactif ne pourrait les effacer complètement et on n'est plus libre d'y inscrire ce que l'on veut. On pourrait donner à ce vieux parchemin une reliure, une garniture moderne, mais on ne pourrait songer à y imprimer une écriture étrangère par dessus les caractères antiques. Et alors se pose la question de savoir quelle éducation il faudrait donner aux Annamites, pour, tout en leur dispensant la haute culture moderne qui leur est nécessaire, ne pas les « dénationaliser » en quelque sorte, leur faire perdre leur personnalité nationale, leur individualité historique, en faire un de ces peuples « atones », si je puis ainsi dire, qui n'ont plus aucune originalité, comme le sont, par exemple, certaines vieilles colonies françaises. Ici, également, il y a deux thèses en présence : l'une soutient que puisque les Annamites ont subi jusqu'ici l'influence de la culture chinoise, il est temps de faire prévaloir chez eux l'influence française, en diffusant dans la masse l'étude du français qui devrait être un jour la seule langue officielle du pays,

Đại-học. Kể thời cũng chưa lấy gì làm hay cho lắm, nhưng mà thôi, cũng gọi là một bước đầu, chúng tôi cũng cảm ơn những qui-quan đã khởi-xương ra việc ấy.

Nhưng mà đến đây lại xuất-hiện ra nhiều sự khó-khăn làm cho việc học trong nước chúng tôi thành hẳn một cái vấn-đề về dân-tộc-giáo-dục. Vì dân chúng tôi là một dân mộc-mạc mới-mẽ, sinh-trưởng ở cõi đất tân-bồi nào, thời có việc gì mà khó-khăn. Chỉ việc dạy-dỗ uốn-nắn theo như hình-ảnh nước Pháp, được đến đâu hay đến đó, nghĩa là cứ việc đồng-hóa, cứ việc tây-hóa dần đi, cho học thuần lối tây cả, càng mở-mang được bao nhiêu thì sẽ càng cho học cao lên bấy nhiêu (câu ấy nói đây mới là đúng). Nhưng mà dân Việt-Nam chúng tôi, không thể ví như một tờ giấy trắng được ; dân chúng tôi là một quyển sách cổ đầy những chữ viết bằng một thứ mực không phai, đã mấy mươi thế-kỷ nay ; không có thuốc gì xóa hẳn được thứ chữ ấy đi, không ai có quyền tự-do muốn viết gì vào đấy thì viết được. Quyển sách cổ ấy có thể đóng theo kiểu mới cho hợp thời-trang, nhưng không thể đem in một thứ chữ ngoài lên trên các giòng chữ cũ được. Nhân đó mới khởi ra cái vấn-đề phải nên giáo-dục người An-Nam thế nào cho vừa truyền được cái học-thuật cao-thượng đời nay, mà vừa không đến nỗi làm cho chúng tôi « mất giống » đi, mất cái đặc-tính, cái quốc-tính của chúng tôi đi, làm thành ra một dân-tộc « vô-hồn », không còn có tinh-thần đặc-sắc gì nữa, như mấy cái thuộc-địa cổ của qui-quốc kia. Đây cũng có hai cái thuyết đối nhau : một thuyết nói rằng người An-Nam xưa kia đã chịu ảnh-hưởng học-thuật nước Tàu, bây giờ đến lúc phải chịu ảnh-hưởng nước Pháp, vậy phải truyền-bá tiếng Pháp ra khắp trong dân-gian, sau này phải lấy chữ Pháp làm quốc-văn, còn tiếng An-Nam sẽ tiêu-diệt dần đi, hay là sống thoi-thóp như một thứ

l'annamite étant appelé à disparaître ou à végéter comme un simple patois ; quand tous les enfants annamites parleraient français, l'Annam aurait fait un grand pas dans la voie du progrès. Cette thèse, qui peut être généreuse, est-elle juste ? Tient-elle un compte exact des réalités ? Ne fait-on pas là une confusion entre la langue et la culture qui sont deux choses distinctes dont l'une n'implique pas nécessairement l'autre ? Le fait de savoir parler à peu près correctement le français veut-il dire par là qu'on possède la culture française ? Celle-ci ne pénétrerait-elle pas mieux dans les cerveaux annamites par le moyen de la langue annamite elle-même ? A admettre qu'un jour pourrait venir, — ce qui est peu probable — où tous les enfants annamites sauraient baragouiner quelques mots de français, — car pour posséder à fond une langue étrangère aussi différente de notre esprit que l'est le français, il faut une somme d'efforts, de travail, de persévérance, de volonté, qui n'est pas à la portée de toutes les intelligences, qui n'est que l'apanage d'une élite, — où tous les enfants annamites donc parleraient un français quelque peu « petit nègre », et où en même temps ils désapprendraient leur langue maternelle qu'on n'enseignerait plus dans les écoles, y aurait-il là vraiment un bien grand progrès pour nous ? Ne serait-il pas plus rationnel, ne serait-il pas préférable de donner aux Annamites un bon enseignement primaire dans leur langue, qui constituerait pour eux un véritable enseignement national, puis, au sortir de cet enseignement, de faire une sélection sérieuse parmi les sujets d'élite qui pourraient pousser plus avant leurs études et de leur enseigner le français comme la première langue étrangère qui les préparerait à suivre les écoles secondaires, techniques et supérieures d'Indochine et de France ? Et, dans l'enseignement secondaire, ne serait-il pas désirable de faire une place aux caractères chinois

thờ-âm thường mà thôi ; đến ngày nào bao nhiêu con trẻ nước Nam biết nói tiếng Pháp cả, thì nước Nam sẽ bước được một bước lớn trên con đường tiến-bộ. Cái thuyết ấy cũng có lẽ là vi bụng tốt mà xướng ra, nhưng có được chánh-dáng không ? Có thích-hợp với sự-thực không ? Nói như thế chẳng phải là lẫn-lộn tiếng-nói với sự-học, là hai mối khác nhau, không tất-nhiên là phải liền với nhau mới được ? Biết nói tiếng Pháp hơi đung-đúng, đã phải là có Pháp-học chưa ? Cái Pháp-học ấy, dùng ngay bằng tiếng An-Nam để truyền-bá cho óc người An-Nam, há chẳng phải là dễ hiểu hơn ư ? Túng-sử có một ngày kia, — sự đó cũng ít chắc lắm, — bao nhiêu con trẻ An-Nam biết bập-bẹ mấy câu tiếng tây cả, — vì người ta không hiểu rằng muốn cho biết đến nơi đến chốn một thứ tiếng ngoại-quốc khác hẳn cái tinh-thần chúng tôi như tiếng Pháp, phải học-tập khó-nhọc, chăm-chỉ kiên-nhẫn lắm, chỉ những người có tư-cách thông-minh, chứ không phải là ai ai cũng có thể học được, — vì có một ngày bao nhiêu con trẻ An-Nam biết nói mấy câu tiếng Pháp « ba-dội », mà đồng-thời lại quên tiếng nước mình vì không dạy ở nhà trường nữa, thời đó có phải là một sự tiến-bộ hay cho dân chúng tôi không ? Nay chẳng có một cách hay hơn, hợp lẽ hơn, là cho người An-Nam học bậc tiểu-học bằng tiếng An-Nam, tức là một bậc phổ-thông-quốc-dân-giáo-dục, xong rồi mới kén-chọn những kẻ thông-minh có thể học cao hơn nữa mà dạy cho học chữ Pháp, để dự-bị vào học các trường trung-học, trường chuyên-môn và trường cao-dẳng ở Đông-Pháp và ở Đại-Pháp ư ? Và trong bậc trung-học, lại chẳng nên đề một phần dạy chữ nho, vì chữ nho đối với tiếng An-Nam

qui sont à notre langue ce qu'est le latin au français, qui sont nos véritables humanités ?

L'autre thèse, qui semble être la thèse officielle, est beaucoup moins radicale et tient à ménager les transitions ; mais au fond, elle tend à rejoindre la première, en ce sens qu'elle fait aussi de l'assimilation, une assimilation progressive et non plus brusquée. Elle ne décrète pas le français obligatoire pour tous les Annamites, mais elle ne laisse à la langue annamite qu'une toute petite place tout à fait insignifiante au début de l'enseignement primaire. Cette thèse est-elle plus rationnelle, plus équitable que la précédente ? Nous ne le pensons pas, et ce qui nous confirme dans notre opinion, ce sont les résultats que donne l'enseignement officiel. Les Annamites, formés entièrement dans les écoles françaises, tendent de plus en plus à se « désannamitiser », sans pour cela se rapprocher davantage, autrement que par les apparences, de leurs maîtres français. Beaucoup qui ont fait leurs études en France même, et reviennent au pays bacheliers, licenciés, ou même docteurs et ingénieurs, ont désappris complètement la langue maternelle et sont en quelque sorte dépayés dans leur propre patrie. Et le Gouvernement Français qui compte sur eux pour travailler à répandre dans la masse la pensée et l'influence françaises, n'en retire pratiquement aucun bénéfice, car ne parlant plus la langue de leurs compatriotes, comment pourraient-ils avoir une influence quelconque sur eux ? Bien plus : parfois même ils en arrivent à ne plus pouvoir sympathiser avec eux et abandonnent volontiers leur statut national pour solliciter la naturalisation française. Et pendant que des Annamites éduqués à la française se « désannamitent » ainsi, les anciens lettrés en sont réduits, pour s'initier à la pensée française, à lire Montesquieu, Rousseau, Voltaire dans des traductions chinoises !

L'éducation des Annamites par la Fran-

chúng tôi cũng tức như chữ *latin* đối với tiếng Pháp, chính là cái học cỗi-điền của nước chúng tôi ?

Cái thuyết thứ nhì, xem ra là thuyết của Chính-phủ, thời không có quá như thế và muốn di-du một chút ; nhưng rút-cục lại cũng khuynh-hướng như cái trên, nghĩa là cũng muốn đồng-hóa, duy có từ - từ và không gấp mà thôi. Không có nghị định rằng hết-thảy người An-Nam đều phải học tiếng Pháp cả, nhưng chỉ để cho tiếng An-Nam một cái địa-vị rất hẹp-hòi bé-nhỏ ở cuối bậc tiểu-học mà thôi. Cái thuyết này có hợp-lý, có công-bằng hơn thuyết trước không ? Chúng tôi thiết-nghĩ rằng không, và sỡ-dĩ tin như thế là cứ xem ngay cái kết-quả của sự học ở các trường công thì biết. Người An-Nam nào chỉ thuần học ở trường Tây cả, thời dần - dần như mất tính An-Nam đi, mà cũng không học được cái gì hay của các thầy Tây, có lẽ chỉ bắt-chước cái bề ngoài mà thôi. Nhiều người đã qua học ở tận bên Pháp, khi trở về đỗ tú-tài, cử-nhân, có người đỗ kỹ-sư, đỗ tiến-sĩ, quên hết cả tiếng nói nước nhà, ở giữa nước mình mà tựa-hồ như người xa-lạ vậy. Chính-phủ Pháp cậy vào những người ấy để truyền-bá cái tư-tưởng, cái thế-lực của nước Pháp trong dân-gian, kỳ-thực không nhờ được tí gì, vì những người ấy đã không nói được tiếng của đồng-bào, thì còn mong có ảnh-hưởng gì đến đồng-bào nữa ! Không những thế : nhiều khi lại không có thể thân-tình với người trong nước được nữa, và sẵn lòng bỏ quốc-tịch để xin nhập tây-tịch. Mà trong khi những người An-Nam giáo-dục theo lối tây, mất tính An-Nam đi như thế, thời những nhà nho cũ, muốn biết tư-tưởng của nước Pháp, phải đọc những sách của MONTESQUIEU, ROUSSEAU, VOLTAIRE, trong bản dịch của Tàu !

Sự giáo-dục người Việt-Nam bởi tay

ce est ainsi devenue un problème infiniment complexe, qui n'a pas encore été envisagé sous son vrai jour et avec toute l'objectivité nécessaire. Elle est une question vitale pour notre peuple et de la façon dont elle sera résolue dépendra tout notre avenir.

Si le but supérieur de l'éducation est de contribuer au plein développement de la personnalité humaine, et si la personnalité humaine est toujours fonction d'abord du milieu et de la race, ensuite de ce fonds humain et universel qui de tout temps et dans tous les pays constitue l'homme, qui justement forme la base de la culture française, nous demandons à l'éducation française de former, non pas des demis et des quarts d'Annamites, mais de vrais Annamites, des Annamites complets, qui tout en s'initiant à la science et à la civilisation occidentales, restent attachés à la langue et aux traditions séculaires de leur race.

Quels moyens conviendrait-il d'employer pour arriver à ce but ? La question demande à être étudiée en détail, et traitée à un point de vue supérieur à toutes les contingences de la politique locale ou métropolitaine. C'est, comme je l'ai dit, un véritable problème d'éducation des races, qui intéresse à un égal degré le penseur et le sociologue, aussi bien que l'homme politique. Et c'est un problème sur lequel je voudrais, au nom de mes compatriotes, solliciter les lumières des éminents maîtres de l'Institut de France.

Mais quelles que soient les solutions que le Gouvernement français jugera opportun d'apporter à ce problème, mes compatriotes conserveront toute entière leur confiance en je génie éducateur de la France. Et pour terminer cette brève communication, je me

nước Pháp, thành một cái vấn-đề rất là phiền-phức, vấn-đề ấy chưa từng ai xét đến một cách công-bằng chân-chính. Vấn-đề ấy là một vấn-đề sinh-tử cho nước chúng tôi, và cả cái vận-mệnh tương-lai của nước chúng tôi là bằng ở cách giải-quyết thế nào vậy.

Nếu cái mục-đích tối-cao của sự giáo-dục là giúp cho phát-siễn nhân-cách đợc hoàn-toàn ; và nếu nhân-cách người ta là bao giờ cũng tùy-thuộc trước nhất ở hoàn-cảnh và ở giống-nòi, rồi sau là ở cái gốc đại-đồng của cả loài người, dấu cồ-kim Đông-Tây bao giờ cũng thế, cái gốc ấy lại cũng chính là gốc của văn-hóa nước Pháp ; thời chúng tôi xin qui-quốc có giáo - dục cho chúng tôi, đừng dạy thành cái giống An-Nam dở dang nửa mùa, mà dạy cho nên những người An-Nam hoàn-toàn chân-chính, vừa theo-đòi văn-minh học-thuật Thái-Tây, lại vừa biết giữ-gìn lấy ngữ-ngôn phong-tục cố-hữu của nước mình.

Phải dùng những phương-kế gì cho đạt tới cái mục-đích ấy ? Vấn-đề này cần phải xét cho tường-tận và giải-quyết theo một cái phương-diện cao-thượng, không bận đến những lễ chính-trị riêng ở qui-quốc hay ở tộ-quốc. Như tôi đã nói ở trên, vấn-đề này thật là một vấn-đề thuộc về dân-tộc-giáo-dục, dù nhà tư-tưởng, nhà xã-hội hay là nhà chính-trị, cũng là nên gia-công nghiên - cứu cả. Ấy chính thuộc về vấn-đề ấy mà tôi muốn thay mặt kẻ đồng-bang tôi, xin các ngài danh-sur của tòa Hàn-lâm Đại-Pháp chỉ-giáo cho chúng tôi.

Nhưng dù Chính - phủ Pháp xét nên giải-quyết vấn-đề ấy thế nào mặc lòng, kẻ đồng-bang tôi cũng vẫn giữ một lòng tin-cậy ở cái công giáo-hóa của Đại-Pháp. Nay tôi xin kết-luận bài diễn-thuyết vấn-tất này bằng một

permets de faire une longue citation d'un article écrit par un Maître de l'Université de France au retour d'un voyage d'études en Extrême-Orient. Faisant allusion à l'enthousiasme de la jeunesse chinoise actuelle pour la pensée et la culture françaises, l'auteur s'exprime en ces termes qui s'appliquent aussi bien, non seulement à la jeunesse, mais à l'élite intellectuelle annamite toute entière :

« C'est en tant que patrie commune des esprits libres, en tant que mère des doctrines d'émancipation politique et sociale que la France attire la jeunesse chinoise avide de liberté et de justice. Ce qu'ils aiment par-dessus tout dans la France, c'est le pays des philosophes », de Montesquieu, de Voltaire, de Rousseau, d'Auguste Comte, le pays des historiens comme Michelet, des poètes comme Hugo, des tribuns comme Jaurès, qui dans leur magnifique langage ont exprimé à la fois le génie propre de la France et l'idéal commun de l'Humanité.

« S'il en est ainsi, si une sorte d'instinct clairvoyant et d'affinité élective pousse la jeunesse chinoise à se tourner vers l'intelligence française, et à chercher en elle son guide naturel, quelle faute ne serait-ce pas que de rester indifférent à son appel? Du moment même où les masses humaines de l'Extrême-Orient tendent à sortir de leur isolement immémorial, la Chine s'adresse aux maîtres français et leur dit : « Prenez la fleur de ma jeunesse, initiez-la à vos sciences et à vos méthodes, à votre droit, à votre philosophie. Nous voulons nous instruire pour nous affranchir. Rendez-nous capables d'entrer dans la société des Nations libres, non pas comme un étranger à qui par politesse on offre un siège dans un sa-

lông đoạn trích-lục dài ở bài văn tạp-chí của một vị danh-sư trường Đại-học qui-quốc viết sau khi đi du-lịch khảo-cứu ở Á-Đông về. Nhân nói về cái lòng nhiệt-thành của bọn thanh-niên nước Tàu ngày nay đối với tư-tưởng học-thuật qui-quốc, tác-giả có luận mấy lời như sau này, không những hợp cho bọn thanh-niên, mà hợp cho cả kẻ thượng-lưu tri - thức ở nước Nam chúng tôi nữa. Lời rằng :

« Bọn thanh-niên nước Tàu, đương ham tự-do công-lý, sô-dĩ yêu-mến nước Pháp, là bởi nước Pháp chính là nơi quê-hương chung của những bậc nhân-vật tự-do, là bởi nước Pháp chính là nơi sản-xuất ra những cái chủ-nghĩa khai-phóng về đường chính-trị, đường xã-hội vậy. Bọn ấy yêu-mến nước Pháp thứ nhất là nước sinh ra những bậc triết-học, như MONTESQUIEU, VOLTAIRE, ROUSSEAU, AUGUSTE COMTE, những nhà sử-học như MICHELET, thi-hào như HUGO, hùng-biến như JAURÈS, dùng những lời văn hùng-hồn mà vừa diễn được cái tinh-thần đặc-biệt của nước Pháp, vừa diễn được cái lý-tưởng công-đồng của cả loài người.

« Nếu quả như thế, nếu có một cái trí ngẫm sáng-suốt, có một cái thanh-khi tự-nhiên nó khiến cho kẻ thanh-niên nước Tàu quay về nơi tinh-thần nước Pháp để tìm chỗ hướng-đạo, nếu người ta đã yêu-cầu mình như thế, mà mình cứ điềm-nhiên thì chẳng là lằm-lỗi lằm dư? Ngày nay đương là lúc các dân-chúng ở Á-Đông thoát-li ra ngoài cái vòng cô-độc đã mấy mươi đời, nước Tàu bèn tìm đến các thầy Đại-Pháp mà nói rằng : « Xin các ngài nhận lấy bọn thanh-niên này, là cái tinh-hoa của nước chúng tôi, các ngài dạy cho biết các khoa-học, các phương-pháp của các ngài, cho biết luật-pháp, biết triết-lý của các ngài. Chúng

« Ion, mais comme un peuple de haute culture intellectuelle, qui travaillera avec vous à la paix du monde. Y-a-t-il une tâche plus belle que celle-ci ? Sans doute, elle sera difficile, elle demandera beaucoup d'esprit de suite et de persévérance. Mais si dans les deux pays, on est fermement convaincu de son importance, elle sera néanmoins menée à bonne fin... »

Et l'auteur conclut :

« Dans l'état actuel du monde, la domination politique d'un peuple sur un autre, même de culture moins avancée, n'a plus qu'un caractère précaire. Aucune population ne supporte plus guère d'être protégée ». Pour peu qu'un peuple ait conscience de lui-même, aujourd'hui il veut s'appartenir. Rien ne peut réconcilier une nationalité qui se croit opprimée avec le gouvernement étranger. Les avantages matériels qu'elle y trouve ne l'empêchent pas de se sentir exploitée : ils ne compensent jamais à ses yeux la violence qu'elle subit. De là des revendications incessantes qui s'aigrissent et s'exaspèrent et des conflits sans issue. Au contraire, une influence tout intellectuelle et morale, librement acceptée et même sollicitée, comme celle que la Chine attend de la France, ne peut qu'établir entre les deux peuples une affection durable. Ces conquêtes-là ne coûtent ni sang, ni larmes. Elles excitent moins de jalousie que les autres : dans le domaine des idées, la concurrence est li-

« tôi muốn học cho thông-thái để hòng được tự-do, chúng tôi xin các ngài dạy cho có đủ tư-cách được nhập-hội với các dân-quốc tự-do, không phải là coi như một người khách lạ đến chơi một nhà nào được người ta đãi lễ-phép mời ngồi đâu, nhưng được coi như một dân-tộc có học-thức, có trí-tuệ, và cho vào cùng với các ngài để mưu sự hòa-bình cho thế-giới. Còn việc gì tốt-đẹp hơn việc ấy nữa ? Chắc là sẽ khó-khăn và phải bền lòng vững trí lắm mới được. Nhưng nếu trong hai nước đã hiểu rõ sự quan-hệ là đường nào, thời thế nào cũng sẽ thành-công được... »

Rồi tác-giả kết-luận rằng :

« Cứ tinh-thế thiên-hạ bây giờ, một nước lấy quyền chính-trị mà đè nước khác, dầu là nước văn-hóa kém nữa mặc lòng, cũng là một sự tạm-thời mà thôi. Không có dân-tộc nào bây giờ là chịu cho người ta « bảo-hộ ». Một dân đã sảo có ý thức, tất là muốn tự-chủ. Không có gì làm cho một nước bị áp-chế hòa-hợp với Chính-phủ ngoại-quốc được. Dầu có được lợi-ích về đường vật-chất, cũng không có thể quên rằng mình bị người ta lợi-dụng ; sự lợi-ích ấy không thể bù lại sự bạo-dộng mình phải chịu. Bởi thế mới sinh ra nay thịnh-cầu sự này, mai yêu-sách điều khác, càng ngày càng kích-phẫn, thành ra xung-đột vô-cùng. Trái lại, một sự ảnh-hưởng thuần về đường tinh-thần trí-thức cả, được người ta tự-do công-nhận hay là vui lòng mà cầu, như nước Tàu đối với nước Pháp, thời chắc là làm cho hai dân-tộc yêu-mến nhau một cách lâu-dài vậy. Cách chính-phục bằng tinh-thần như thế, không có phí mất máu người, không có phí mất nước mắt. Cũng không bị người ngoài ghen-ghét bằng các cách chính-phục khác : trong lý-

« bre. Seules, elles sont dignes, au 20^e siècle, d'une France fidèle dans la victoire
« à son génie essentiellement humain. » (1)

Que puis-je ajouter à ces paroles nobles et éloquentes, sinon qu'en France même il y a des esprits élevés, des cœurs généreux qui envisagent le problème de notre éducation avec une hauteur de vue vraiment digne d'une conscience française, et qui osent regarder l'avenir avec sérénité ?

Mais « les nations comme les individus (et ajouterai-je, particulièrement les hommes politiques et les hommes d'affaires) manquent parfois au moment décisif de l'imagination nécessaire pour distinguer leurs véritables intérêts. Esclaves de maximes politiques traditionnelles qui n'ont plus d'applications utiles, ils s'épuisent alors à persévérer dans les directions qui ne les conduisent à rien, et passent, sans le voir, à côté du but nouveau où ils devraient tendre... »

Il appartient aux hommes de pensée de susciter chez les hommes d'action cette imagination nécessaire pour distinguer leurs véritables intérêts et de leur montrer le but nouveau où ils devraient tendre leurs efforts. Ces hommes de pensée généreux et clairvoyants, n'est-ce pas ici qu'on les trouve, dans cette antique maison de l'intelligence et de la sagesse françaises, qui depuis des siècles a porté si haut dans le monde entier le bon renom de la France ?

PHẠM QUỲNH

« tướng-giới, sự đua tranh vẫn được tự-do. Ở giữa thế-kỷ 20 này, duy có cách chinh-phục như thế mới xứng đáng với nước Pháp, dẫu được thắng trận mà không ăn ở sai cái bản-lĩnh của mình xưa nay vẫn hợp với đạo làm người vậy. »

Những lời nói hùng-hồn cao-thượng như thế, bĩ-nhân còn dám nói thêm gì nữa, duy biết rằng ngay ở Đại-Pháp đây, cũng có những bậc trí cao dạ cả, xét cái vấn-đề giáo-dục dân chúng tôi theo một phương-diện rất cao, thật là xứng-đáng cái lương-tâm người nước Pháp, và lại quan-sát việc tương-lai một cách thái-nhiên vậy.

Nhưng mà các dân-quốc cũng như các cá-nhân (và tôi xin nói thêm nhất là những nhà chính-trị và nhà doanh-nghiệp), có khi « lâm-thời thiếu cái trí tướng-tượng cần để biện-biệt sự lợi-ích chân-chính ở đâu. Cứ câu-nệ theo những cái sáo chính-trị trần-hủ, đem ứng-dụng ra bây giờ không có lợi gì nữa, mà cố công đi vào những đường-lối không tới đâu cả, còn cái mục-dịch mới nên đạt tới, thì hình như đi qua bên cạnh mà không trông thấy... »

Nay cái nhiệm-vụ của những nhà tư-tưởng, là nên kích-thích cho những nhà hành-dộng có cái trí tướng-tượng cần để biện-biệt sự lợi-ích chân-chính ấy, và chỉ cho trông thấy cái mục-dịch mới nên gia-công cho tới nơi. Những nhà tư-tưởng có lòng quảng-đại, có trí sáng-suốt như thế, là ở đâu, há chẳng phải ở nơi Hàn-lâm-cổ-viện này, là chốn uyên-tâu những bậc thông-minh tài-trí của quý-quốc, trong bao nhiêu thế-kỷ đã truyền khắp thế-giới cái thanh-danh cao-thượng của Đại-Pháp dư ?

(1) *L'ébrantement du monde jaune*, par XXX (alias Professeur LÉVY-BRUHL.) (Revue de Paris, 15 octobre 1920).

Lieux historiques de la province de Hai-duong

Các nơi danh-thắng tỉnh Hải-dương

I

Yên-tử

Il est des heures de brume et de lueur vague
Où l'homme que la destinée souvent confond,
Etudiant la plante, l'étoile ou la vague,
S'accoude au bord croulant du problème sans fond.

V. HUGO

Yên-tử est l'une des nombreuses pagodes qui s'élèvent dans la région montagneuse de Đông-triều, la plus belle contrée de la province et la plus célèbre au point de vue historique et religieux. La pagode est bâtie sur la montagne qui porte son nom. Cette montagne n'est pas le sommet le plus élevé, ni le plus pittoresque de la contrée : elle en est le point le plus important, le plus réputé aux yeux du pèlerin et son nom seul éveille et embrasse tous les autres. C'est qu'elle a été la demeure de prédilection de tous les hommes célèbres qui avaient embrassé la vie religieuse et auxquels sont dédiées les autres pagodes.

Avant de transcrire les quelques renseignements que nous avons pu recueillir de la bouche des pèlerins les plus érudits sur la vie de ces hommes, nous croyons être utile au lecteur en lui indiquant d'abord l'itinéraire qui le conduit dans cette région fameuse.

Le touriste qui part de Hải-dương et qui prend le premier train sur Hải-phòng doit descendre à la gare de Phú-thái. De là il se rend en pousse au poste de Yên-lưu. A Yên-lưu, il quitte la voie de terre et descend dans une barque. La barque suit un cours d'eau

I

Yên-tử

Gặp những buổi u-âm phảng-phất, người ta không hiểu cái số-mệnh mình thế nào, ngắm trông cái cây, ngôi sao, làn sóng, đối với cái vấn-đề vô-cùng-cực, tựa-hồ như đứng tựa vào cái bao-lợn o-hồ của một cái lâu-đài hồ-hững.

(Dịch lời thơ Tày)

..

Yên-tử là một cái trong nhiều cái chùa ở vùng núi Đông-triều, là miền đẹp nhất trong tỉnh, và có tiếng nhất về đường lịch-sử và đường tôn-giáo. Chùa xây ở trên núi cùng tên ấy. Núi ấy không phải là ngọn cao nhất và đẹp nhất trong miền ; nhưng là nơi quan-người trầy lê cho là nơi danh-thắng nhất, nói đến tên một nơi ấy tựa-hồ như nhớ đến và gồm cả các nơi khác. Bởi vì chốn này là chốn sở-thích của tất cả những bậc danh-nhân đã đến tu ở đây, rồi các chùa khác làm sau là để thờ các bậc ấy vậy.

Trước khi biên ra đây mấy điều tôi hỏi được ở những người đi trầy lê có biết rõ sự-tích các bậc danh-nhân ấy, thời tưởng cũng là một điều có ích cho độc-giả nên chỉ qua cái hành-trình đi đến nơi danh-thắng đó.

Khách du-lịch đi tự Hải-dương chuyển xe-lửa thứ nhất xuống Hải-phòng, phải đỗ ở ga Phú-thái. Rồi tự đấy đi xe tay đến đồn Yên-lưu. Tới Yên-lưu, bỏ bộ xuống thuyền. Thuyền đi theo một giòng sông hẹp, nước trong chảy giữa hai gẫy đá có vẻ kỳ-tú. Đi thuyền

étroit qui roule ses eaux claires entre deux rangées de rochers élevés d'un aspect pittoresque. Après quatre heures de voyage sur l'eau, il descend à terre au débarcadère de Vỹ, à deux kilomètres du poste de Tràng-bạch, où il n'a que le temps d'arriver avant la fin de la journée. Le lendemain, le voyage devient pénible. Ici il n'y a plus ni route carrossable, ni cours d'eau navigable. On s'enfonce en pleine forêt et il faut gravir de hautes montagnes boisées. On se fraye passage à travers des broussailles et de hautes herbes, suivant des foulées et quelquefois guidé simplement par la mémoire. Il faut ainsi une journée entière de marche, franchir un grand nombre de cols et passer à gué trente ruisseaux avant d'arriver à *Chùa-Đông*, le point le plus élevé de la contrée. La montée est fort rude, il faut s'aider des mains, se cramponner aux branches pour ne pas glisser sur les cônes de pin et rouler en bas. La descente est non moins dangereuse. Il faut quelquefois, avant de faire un pas, s'accroupir d'abord pour ne pas avoir le vertige et perdre l'équilibre. Si vous êtes sur un sommet élevé, vous ne voyez devant vous à perte de vue que des montagnes; si vous êtes dans une vallée, vous vous trouvez comme dans une immense cuvette de verdure. Vous passez à côté de grands arbres, véritables géants de la forêt, au tronc énorme, aux branches multiples et au feuillage si épais qu'à peine la lumière du soleil peut pénétrer jusqu'à vous. Il suffit du moindre vent qui souffle pour que vous entendiez une rumeur large et confuse comme celle qu'on entend au bord de la mer. Quand aucun vent ne souffle, c'est, au contraire, un silence effrayant, interrompu seulement de temps à autre par un froissement de feuilles et de branches que produit la fuite de quel-

chùng bốn giờ thời đồ bộ ở nơi bến đò Vỹ, cách đồn Tràng-bạch hai cây-lô-mét, đi đến đồn vừa tối ngày. Hôm sau đi mới thấy khó. Đường đây không đi xe-cô gì được, mà cũng không có đường sông chở thuyền được. Phải đi vào giữa rừng, trèo những núi cao cây rậm. Lách lối mà đi ở giữa đám bụi rậm cỏ tranh, theo vết chân giống thú hay là nhớ phỏng chừng mà bước. Phải đi thế một ngày trường, trèo không biết bao nhiêu đèo, lội cũng chừng ba-mươi cái suối, rồi mới đến nơi «Chùa Đông» là nơi cao nhất miền này. Leo lên thật cũng ghê-ghét. phải dùng đến tay, phải bám vào cành cây để cho khỏi trượt xuống các ngọn thông mà lẩn xuống dưới. Xuống giốc cũng nguy hiểm lắm. Có lúc trước khi bước phải ngồi xổm xuống cho khỏi chóng mặt và khỏi nghiêng người. Nếu lên đến trên ngọn cao thời thấy mịt-mù trước mắt những núi cùng núi cả. Nếu xuống đến dưới lưng sâu thời thấy như mình đứng giữa một cái lòng-trảo lớn, bát-ngát những cây xanh. Đi cạnh những cây cỏ-thụ lớn, khác nào như những tướng Khổng-lồ ở trong rừng, gốc to-tướng, cành chằng-chịt, lá rậm cho đến nỗi ánh-sáng mặt trời không lọt tới mình. Hơi có gió thổi thì nghe thấy tiếng ào-ào xa-xa như tiếng sóng ngoài bể vậy. Khi không có gió thời lại lặng ngắt rợn người lên, chỉ thỉnh-thoảng thấy sột-soạt lá cây cành cây, là tiếng con hươu hay con vượn nào thấy người chạy vậy. Xuống hết một cái giốc, thường thấy một suối trong, rộng độ vài thước, chảy róc-rách dưới cỏ tranh, có chỗ có những hòn đá đứng dựng hay nằm nghiêng chắn ngang, khe đá có những cây leo, như giây mây, đuôi chồn, bìm-bìm, vắt bên bờ này sang bên bờ kia, như những cái cầu bằng lá xanh vậy. Nước trong cho đến nỗi đếm được từng hòn cuội hòn sỏi dưới đáy, chiếu

que cerf ou de quelque singe qui dé-tale à votre approche. Quand vous avez descendu une pente, presque toujours vous rencontrez un ruisseau limpide, large de quelques mètres, qui murmure entre les hautes herbes, barré par endroits par des rochers debout ou renversés entre lesquels les plantes grimpantes, lianes, fougères, liserons, s'élançant d'une rive à l'autre, forment comme des ponts de verdure. L'eau est si limpide qu'on peut compter les cailloux, les galets qui en forment le fond et qui, par le phénomène de la réfraction, semblent toucher presque la surface. Vous croyez vous mouiller les pieds à peine et vous vous étonnez de vous voir entrer dans l'eau jusqu'à mi-jambe, jusqu'au-dessus des genoux.

Le chemin que vous suivez est absolument désert. C'est très rare de rencontrer quelque Mán, homme bleu, avec sa charge de bois, de *củ-nâu* ou de plantes médicinales que la forêt produit en abondance. Bien qu'il ne vous connaisse pas, il vous dit toujours bonjour le premier en vous voyant, s'arrête volontiers pour entamer avec vous un bout de causerie, vous indique le chemin s'il le faut. C'est que dans ces contrées montagneuses, lorsque l'homme se sent éloigné de ses semblables, lorsqu'il se trouve seul avec la nature, le vague sentiment de l'infini s'empare de lui, il sent sa petitesse, sa faiblesse, et l'instinct de société qui résulte de ce sentiment agissant, il éprouve le besoin de lier compagnie avec le premier qu'il rencontre.

La première pagode où vous arrivez est celle de Cấm-thực, la deuxième celle de Vân-chiêu, la troisième celle de Yên-tử, la quatrième celle de Bảo-sát et enfin celle de Thiên-trúc, vulgairement appelée Chùa-Đồng. Chaque pagode est séparée de la suivante par

qua bóng nước, tựa-hồ như làn-làn trên mặt. Tưởng không ướt bàn chân, thế mà bước xuống nước đến ngang ống chân, có khi quá đầu gối.

Đường đi thật là vắng tanh. Họa chăng mới gặp một người Mán áo xanh gánh củi, gánh củ-nâu hay 'à gánh thuốc, các lá thuốc trong rừng nhiều lắm. Tuy không biết mình, nhưng trông thấy chào ngay trước, đứng lại để nói chuyện, có hồi đường thoi chỉ đường cho. Là vì ở chốn sơn-lâm này, người ta xa-cách kẻ đồng-loại, một mình đối với cảnh-vật bao-la, thấy man-mác hãi-hùng, biết thân-phận mình nhỏ-hèn yếu-đuối, tự sinh ra cái lòng mến xã-hội, gặp thấy người nào như muốn kết bạn ngay.

Chùa đến trước nhất là chùa Cấm-thực, chùa thứ nhì là chùa Vân-chiêu, chùa thứ ba là chùa Yên-tử, chùa thứ tư là chùa Bảo-sát, sau rốt là chùa Thiên-trúc, tục gọi « Chùa Đồng ». Chùa nọ cách chùa kia ba bốn trái núi, phải leo mấy giờ mới đến. Bấy

en cuivre. Chaque jour, le bonze de Bào-sát y monte, brûle de l'encens, fait la prière une heure et redescend.

Debout sur le sommet de cette montagne, le touriste jouit d'une vue magnifique. Il voit d'un côté la forêt de palétuviers, de l'autre celle de bambou royal et plus loin des pins séculaires. En bas, les autres montagnes boisées, éparses, présentent l'aspect de tertres d'un cimetière de village. Le Thái-binh et ses bras lui apparaissent comme de minces filets d'argent et le golfe du Tonkin s'étend à l'horizon, grand comme une natte. Le matin, lorsque le soleil, qui se lève dès la cinquième veille, dore les sommets de ses premiers rayons, « cette immense forêt en rut dans le sourd travail de la fécondation universelle tressaille comme une bête qui aspire les effluves de l'amour cosmique ». Le soir, « une vapeur de rêverie s'en dégage, une tristesse céleste et calme s'empare du visiteur », le détache de la terre et l'emporte en rêve vers des mondes inconnus.

C'est à cette heure et en ces lieux que l'homme trouve de la force dans sa foi religieuse. Il songe à ces hommes qui ont tout quitté, honneurs et richesses, pour venir méditer dans ces solitudes, à ces rois qui ont dédaigné une couronne pour venir s'asseoir sur un rocher et il trouve leur vie belle. Il songe aux biens de ce monde, objet de toutes les dissensions, de toutes les querelles, de tous les massacres, et en même temps qu'il les méprise, il éprouve une immense pitié pour tous les hommes qui se les disputent. Et quand il s'en retourne chez lui, s'il n'est pas devenu parfait, il est du moins devenu meilleur dans ses rapports avec ses semblables.

La Chùa-Đồng est dédiée au roi Nhân-Tôn (1279-1293) de la dynastie

lên đấ, thấp hương tưng kinh một giờ rồi xuống.

Khách du-lich đứng trên đỉnh núi ấy, được ngắm một cái cảnh tuyệt-đẹp. Trông thấy một bên thò rừng vò già, một bên thò rừng trúc, đàng xa xa thò những cây thông cổ-thụ. Ở dưới thò các trái núi khác cũng cây rậm, mà rải-rác như bình những nắm mộ ngoài đồng vậy. Sông Thái-binh và các chi-lưu ở đàng xa trông như cái dải lụa trắng, mà vịnh Bắc-kỳ thò ở tận tít-mít chân trời, to bằng cái chiếu. Buổi sớm mặt trời mọc tự canh năm, chiếu đỏ ói các ngọn núi, trông trong đám rừng rậm bao-la, như cái lò sinh-sinh hóa-hóa vô-cùng của Tạo-vật, tưởng chừng « cỏ-cây cũng đương muốn động-tĩnh mây - mưa » vậy. Buổi chiều thò sương khói mờ-màng, khiến cho khách du-lich có cái sầu-cảm vô-hạn, tựa-hồ như đời cõi trần-ai mà bay-bồng lên những chốn « thế-giới ba nghìn » vậy.

Thời-giờ ấy, cảnh-trí ấy, dễ khiến cho người ta thêm lòng tin-ngưỡng. Nghĩ đến những bậc danh-nhân kia, bỏ cả những sự vinh-hoa phú-qui ở đời, mà vào tu-niệm ở chốn tịch-mịch này, nghĩ đến những bậc đế-vương kia không thèm ngồi ở chỗ ngai-rồng mà vào ngồi ở trên phiến-đá, trong lòng cảm-phục, lấy cái đời người như thế làm đẹp làm cao. Lại nghĩ đến những sự giàu sang ở đời, khiến cho người ta tranh-danh nhau, cãi-cọ nhau, đâm-giết nhau, thò vừa khinh-bĩ những sự ấy, lại vừa thương thay vô-cùng cho những kẻ bôn-tẩu vì đấ. Đến khi trở về nhà, đấ chữa thành người hay hẳn, nhưng trong sự giao-lễ với kẻ đồng-loại, cũng thấy có lòng khoan-nhân hơn trước vậy.

Chùa Đồng thờ vua Nhân-tôn (1279-1293) nhà Trần. Ông vua ấy trị-vì được

des Trần. Ce souverain, après 14 ans de règne, s'est retiré dans cette région montagneuse pour passer le reste de sa vie à méditer. Nhân-Tôn partait en excursion. Il parcourait les montagnes du Tonkin, suivi de trois cents femmes. Arrivé au mont Yên-tử, déjà célèbre par le souvenir du bonze chinois Pháp-Loa, du prince An-Kỳ-Sinh et du docteur Huyền-Quang, trouvant le site favorable aux hautes méditations auxquelles il aspirait, Nhân-Tôn voulut s'y fixer pour entrer dans la religion. Ses femmes, qui ne pouvaient plus rester avec lui et qui ne voulaient pas retourner sans leur auguste époux, se noyèrent toutes dans un ruisseau, sauf une. Celle-ci, la troisième et la plus galante de toutes, voulait vivre encore pour essayer de reprendre le cœur du roi et le détourner de sa vocation. Quand Nhân-Tôn faisait des prières, elle venait près de lui l'appelait, lui souriait, lui tendait les bras ; mais le roi ne succombait pas. Quand elle vit que toutes ses tentatives demeuraient infructueuses, elle se noya à son tour. Le roi fit adresser des autels, célébrer la cérémonie de la purification et du repos de l'âme de ces défuntés. Le ruisseau qui reçut les corps de ces trois cents femmes porte encore le nom de « Suối giải-oan », au bord duquel s'élève la pagode « Giải-oan ». Non loin de là on voit le tombeau du roi, un pagode funéraire, et la grotte où sainte une eau limpide comme du cristal et appelée « grotte des bains de l'empereur. »

La pagode Bảo-sát est dédiée à Pháp-Loa, bonze chinois sanctifié. Ce Bonze, qui le premier apporta la religion bouddhique au Tonkin vécut bien avant Nhân-Tôn. Sa vie demeure ignorée. Il n'y a aujourd'hui aucun document écrit qui permette de la retracer.

La pagode de Yên-tử est dédiée au

14 năm, rồi về ẩn ở núi ấy mà tu-niệm suốt đời. Ngài đi du-lich trong nước, dạo qua khắp các núi-non ở Bắc-kỳ, đi đâu cũng ba-trăm cung-tần theo sau. Đến núi Yên-tử, hồi ấy đã có tiếng vì ông sư tàu Pháp-Loa, ông Hoàng An-Kỳ-Sinh và ông thiền-sư Huyền-Quang khi xưa đã tu ở đấy, ngài lấy chỗ ấy là cảnh-tri hợp cho sự tu-hành cao-thượng của ngài, bèn định ở đấy để nhập-đạo. Các bà cung-tần không thể ở đấy được với ngài và cũng không muốn trở về không có ngài, bèn trảm mình cả xuống một cái suối, chỉ trừ có một bà. Bà này là bà thứ ba mà lại người lẳng-lơ hơn cả, muốn sống lại để cố siêu lòng vua và ngăn cho vua khỏi đi tu. Khi vua Nhân-tôn tụng-niệm thì bà cứ đến bên cạnh, gọi cười, giơ tay ra vờ ; nhưng vua không siêu lòng. Sau thấy làm cách gì cũng vô-hiệu cả, bèn trảm mình nốt. Vua cho lập đàn-tràng làm lễ giải-oan cho các bà. Cái suối mà các bà trảm mình ấy gọi là « suối giải-oan », cạnh có cái « chùa giải-oan ». Gần ở đấy thời có lẳng vua, có đền thờ, và có một cái đồng, nước chảy thánh-thót, trong như thủy-tinh, gọi là « đồng vua tắm ».

Chùa Bảo-sát thờ ông Pháp-loa là ông thiền-sư Tàu đã hiển-thánh. Ông sư này là người đầu nhất truyền đạo Phật sang nước Nam, ông sống về trước vua Nhân-tôn nhiều. Đời ông thế nào không ai biết. Không có sách vở gì có thể tra mà thuật lại.

Chùa Yên-tử thờ ông Hoàng An-Kỳ-

prince An-Kỳ-Sinh, fils de Trần-Khắc-Liêu. A côté de la pagode, sur le point culminant de la montagne, on voit la statue du Saint, debout, la face tournée vers le temple paternel sur la montagne Yên-phụ.

La pagode de Vân-chiêu et de Cẩm-thực, les plus près de Tràng-bạch, sont dédiées à Huyền-Quang. Ce dernier, qui vivait sous les Trần, fut un grand lettré qui, après avoir reçu au concours littéraire le titre de Trạng-nguyên, fut pris de dégoût pour la vie et entra dans la religion.

Ces hommes qui ont rendu cette contrée célèbre par leur présence et leur souvenir, ont tous vécu sur le mont Yên-tử. La pagode de Yên-tử est donc la plus ancienne de toutes. Les autres ne furent construites que bien longtemps après elle, à des intervalles plus ou moins rapprochés, au fur et à mesure que la mort des Saints auxquels elles sont dédiées l'exigeait.

ĐẶNG ĐÌNH-PHÚC

Directeur de l'Ecole primaire de plein exercice à Quang-Yên (Tonkin)

sinh, là con Trần Khắc-Liêu. Cảnh chùa, ở nơi cao nhất trên núi, có cái tượng ông thánh, tượng đứng, mặt nhìn về phía đền thờ cha ở núi Yên-phụ.

Chùa Vân-chiêu và Cẩm-thực, gần Tràng-bạch nhất, thờ ông Huyền-Quang. Ông về đời nhà Trần, người hay chữ lắm, thi đỗ trạng-nguyên, rồi chán đời đi tu.

Các bậc danh-nhân ấy đã qua ở đây, còn dấu vết đây, làm cho miền này trở nên danh-thắng, vị nào cũng ở qua núi Yên-tử cả. Vậy chùa Yên-tử là chùa cổ hơn nhất. Các chùa khác là mãi về sau mới dựng, cái trước cái sau, thờ vị nào thời khi vị ấy chết mới làm.

Morceaux choisis français

Traduits en Annamite

(Dịch thơ văn Tây)

La carpe et les carpillons

« Prenez garde, mes fils, côtoyez moins le bord.

Suivez le fonds de la rivière ;

Craignez la ligne meurtrière,

Ou l'épervier, plus dangereux encor. »

C'est ainsi que parlait une carpe de Seine

A de jeunes poissons qui l'écoutaient à peine.

Con cá chép với đàn con

(Thoát-dịch không câu-nệ đúng từng câu)

Trời xuân hiu-hắt đông-phong,
Tuyết tan băng chảy giòng-giòng núi-non.

Đầu sông cho đến ngọn nguồn,
Nước lênh-láng chảy, sông cuồn-cuồn lên.

Chứa-chan ngáp cả đồng-diên,
Bởi đàn tép dại, mà nên chuyện-trò.

C'était au mois d'avril : les neiges, les glaçons
Fondus par les zéphyr, descendaient des
montagnes.

Le fleuve enflé par eux s'élève à gros bouillons
Et déborde dans les campagnes.

« Ah ! ah ! criaient les carpillons,
Qu'en dis-tu, carpe radoteuse ?

Crains-tu pour nous les hameçons ?

Nous voilà citoyens de la mer orageuse ;

Regarde, on ne voit plus que les eaux et le ciel.

Les arbres sont cachés sous l'onde,

Nous sommes les maîtres du monde :

C'est le déluge universel. »

— Ne croyez pas cela, répond la vieille mère,

Pour que l'eau se retire, il ne faut qu'un instant ;

Ne vous éloignez point, et, de peur d'accident,

Suivez, suivez toujours le fond de la rivière.

— Bah ! disent les poissons, tu répètes tou-

jours

Même discours.

Adieu, nous allons voir notre nouveau domai-
ne. »

Parlant ainsi, nos étourdis

Sortent tous du lit de la Seine,

Et s'en vent dans les eaux qui couvrent le pays.

Qu'arriva-t-il ? les eaux se retirèrent,

Et les carpillons demeurèrent

Bientôt ils furent pris

Et frits.

FLORIAN

Chép kia nhiều tuổi hay lo,
Biết đường lui tới, biết dò sâu nông.

Dặn con cần-vận hết lòng,

Rằng : « Nơi ngập-lụt chớ hòng bơi lên.

« Theo nhau dưới đáy sông Sen,

« Coi ta ! đừng có mon-men gần bờ.

« Thấy mồi cũng phải làm ngư,

« Lưới-trài nó thả, nguy-cơ còn nhiều »

Dứt lời, đàn tép nhao-nhao,

Rằng : « Hay ! mẹ lẫn, nói liều thế a !

« Lưới câu, mẹ sợ thay à ?

« Hải-cư ở chốn phong-ba đã thường.

« Kia xem trời-nước mênh-mông,

« Cây trôi, sóng vỗ ngồn-ngang tới-bờ.

« Ta đây là chúa muôn loài,

« Gặp cơn hồng-thủy, dễ ai sánh cùng. »

Mẹ rằng : « Đừng có nói ngông,

« Nước kia rút xuống chỉ trong một
giờ.

« Bảo nhau đừng có lên bờ,

« Xoay quanh dưới đáy bao giờ gặp
ngư. »

Con rằng : « Mẹ nói làm chi,

« Nhắc đi, nhắc lại chỉ ngư cùng nân.

« Giã từ chúc mẹ bình-an,

« Cho con tìm đến giang-san mới này. »

Nói thôi, đàn tép đi ngay,

Kéo nhau đến chỗ nước đầy chừa-
chan.

Ngỡ rằng thân tép được toàn,

Ngờ đâu nước xuống cả đàn nằm
phơi.

Phút đầu bị bắt xong đời,

Người đem nướng chả, tép thời ra mai

NGUYỄN MẠNH-HỒNG dịch

